

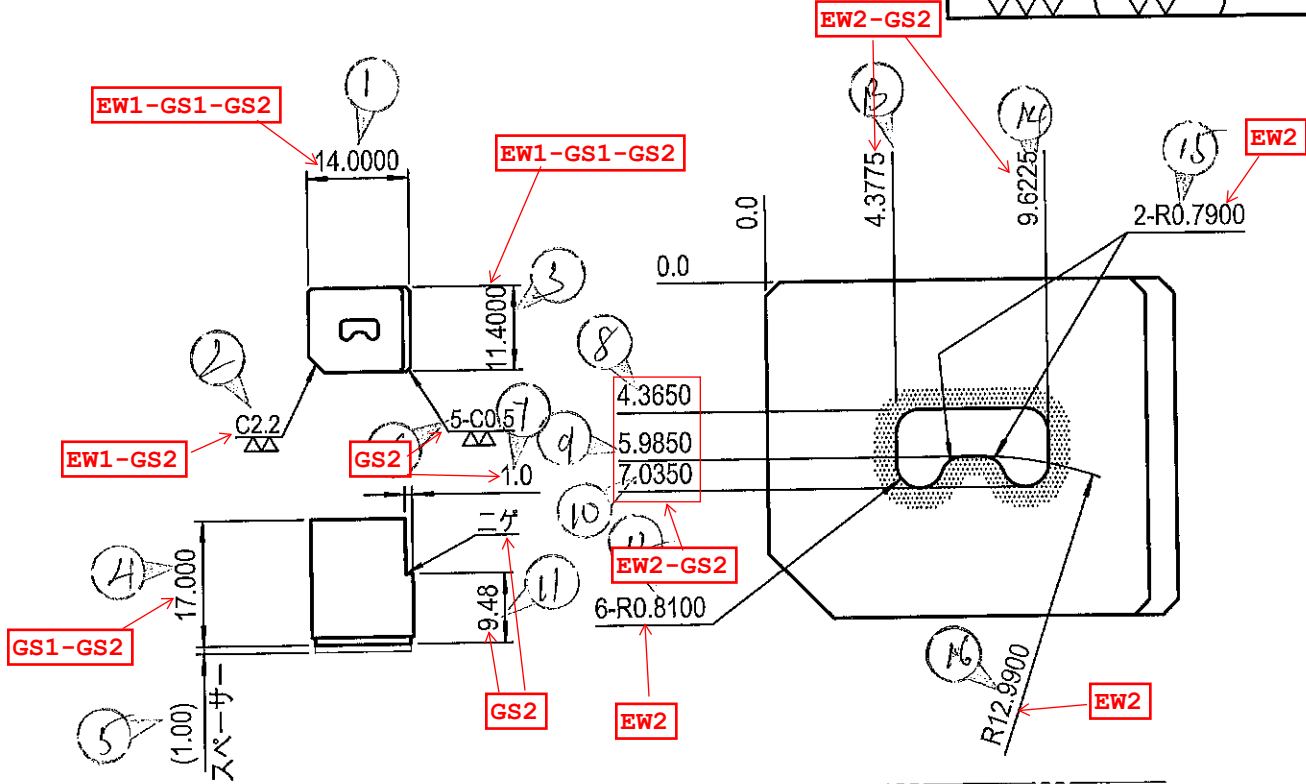
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2016/05/13	新規設計		Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△						0.000	± 0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△						0.00	± 0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.0	± 0.1	0.00 -0	+0.01 -0
△						0.	± 0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0

EW1 ra phôi T18*14.5*12.0. Chú ý chọn 2 mặt có C2.2

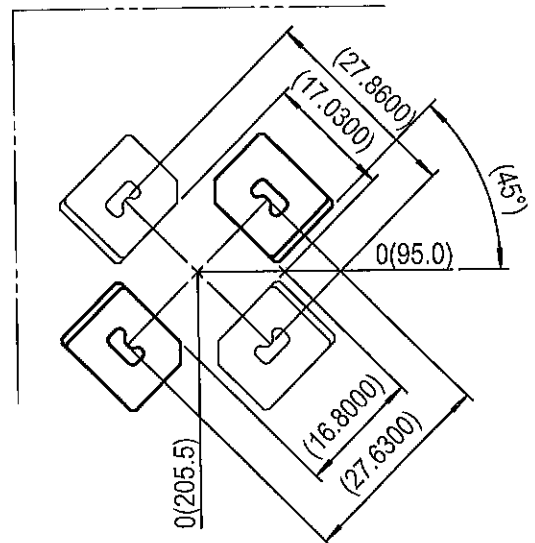
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED

FINISH MARKS

G
▽▽ (▽▽)



ハッチング部は切刃の為、面取り不可(KC-019)
切刃ニゲ勾配ダイ上面より10'とする(KC-050)



DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	部品図		トリミングダイ
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		TRIMMING DIE
HRC 0 ° ~ 0 °		部品図		外形冲切下模
		部品図		外形冲切下模
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
WC(D30/HIP)	2016/05/13	1:1		R066178

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

116 x 18 x 15

414 208 0-02

SNO: **R066178**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 T18*16*16	EW1:30 GS1:40 ED:20 EW2:60 GS2:150 KT